

Bản án số: **746/2019/KDTM-PT**

Ngày: 23/8/2019

V/v: T/c hợp đồng hợp tác

kinh doanh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hà Thanh Thủy**

Các Thẩm phán:

1. Ông **Ngô Văn Dũng**

2. Bà **Trương Thị Thảo**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Huỳnh Thúy Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Tôn Mạnh Hùng** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 7 năm 2019 và ngày 23 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 59/2019/TLPT- KDTM ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2019/KDTM-ST ngày 15/01/2019 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2432/2019/QĐPT-KDTM ngày 29 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 4374/2019/QĐ-HPT ngày 26 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị T**; sinh năm 1963

Địa chỉ: số 06 đường TX, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Hùng N (văn bản uỷ quyền ngày 21/5/2019) (có mặt)

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thương mại và Dịch vụ **TT**.

Trụ sở: 63/4/12B đường N, kp3, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Võ Thị Xuân T (văn bản uỷ quyền số 03 ngày 21/5/2019) (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Thanh P – Luật sư công ty Luật TNHH PM ; Địa chỉ văn phòng : Lầu 1, số 91 PVK, Phường A, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị T và trình bày của đại diện theo uỷ quyền của bà T như sau: Từ ngày 06/06/2016 đến ngày 07/8/2017 bà Hồ Thị T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TT (sau đây gọi tắt là Công ty TT) có ký 14 hợp đồng hợp tác kinh doanh để phân chia lợi nhuận, cụ thể:

01. Hợp đồng số 3535/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 06/6/2016.
02. Hợp đồng số 3536/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 06/6/2016.
03. Hợp đồng số 5460/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 19/6/2016.
04. Hợp đồng số 5461/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 19/6/2016.
05. Hợp đồng số 5462/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 19/6/2016.
06. Hợp đồng số 5463/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 19/6/2016.
07. Hợp đồng số 5464/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 19/6/2016.
08. Hợp đồng số 1065/2016/HĐ10/MTR/BDS ngày 19/6/2016.
09. Hợp đồng số 024/HĐ10/2016/BDS1 ngày 19/6/2016.
10. Hợp đồng số 1079/2016/HĐ10/MTR/BDS ngày 09/07/2016.
11. Hợp đồng số 6043/2016/HĐUĐBDS/BDS1 ngày 26/7/2016.
12. Hợp đồng số 6044/2016/HĐUĐBDS/BDS1 ngày 28/7/2016
13. Hợp đồng số 020/HĐ10/2016/BDS1 ngày 09/8/2016.
14. Hợp đồng gói 1.000.000 đồng, gói sinh viên khởi nghiệp.

Bà Hồ Thị T đã chuyển cho Công ty TT số tiền theo 14 hợp đồng tổng cộng là 176.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TT đã không thực hiện nghĩa vụ phân chia lợi nhuận theo thoả thuận trong các hợp đồng, mà cố tình chiếm dụng vốn của bà T. Bà T nhiều lần đòi Công ty TT trả số tiền trên và công ty TT chỉ trả cho bà T nhiều lần, tổng số tiền là 24.148.882 đồng. Từ ngày 28/11/2016 đến nay Công ty TT không trả bất kỳ khoản tiền nào cho bà Hồ Thị T. Vì vậy bà Hồ Thị T khởi kiện yêu cầu huỷ các hợp đồng nêu trên, trả lại cho bà số tiền gốc đã đầu tư là 151.853.018 đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo lãi suất 10%/năm trên số tiền còn lại cho đến ngày xét xử.

* Tại văn bản số 001/2018/CV-TT ngày 04/01/2018 do Công ty TT nộp đến Tòa án cho rằng không ký bất kỳ “hợp đồng hợp tác đầu tư” với bất kỳ cá nhân, tổ chức nào.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày : Thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể: Yêu cầu công ty TT trả lại tiền vốn gốc cho bà Hồ Thị T, số tiền

143.556.480 đồng, không yêu cầu công ty TT trả lãi theo lãi suất 10% trên số tiền phải trả cho bà T.

- Bị đơn Công ty TT trình bày : Thừa nhận đã ký kết 14 hợp đồng và đã nhận đủ số tiền bà T chuyển theo hợp đồng đúng như phía nguyên đơn trình bày. Công ty TT không đồng ý huỷ các hợp đồng đã ký và trả lại tiền cho bà T với lý do các hợp đồng đã ký kết là sự thỏa thuận tự nguyện của hai bên và nội dung hợp đồng không phải là hợp đồng huy động vốn, cũng không phải hợp đồng hợp tác đầu tư, do đó không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Công ty khẳng định các hợp đồng này ngay từ đầu thỏa thuận có ghi các hợp đồng này không có giá trị pháp lý, chỉ là sự thỏa thuận của hai bên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận T phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2019/KDTM-ST ngày 15/01/2019 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 121, Điều 122, Điều 127, Điều 128, Điều 132, Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ vào Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Luật kinh doanh bất động sản;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015;

- Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị T:

- Tuyên bố các hợp đồng được ký kết giữa bà Hồ Thị T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TT vô hiệu gồm:

01. Hợp đồng số 3535/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 06/6/2016.

02. Hợp đồng số 3536/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 06/6/2016.

03. Hợp đồng số 5460/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 19/6/2016.

04. Hợp đồng số 5461/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 19/6/2016.

05. Hợp đồng số 5462/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 19/6/2016.

06. Hợp đồng số 5463/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 19/6/2016.

07. Hợp đồng số 5464/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 19/6/2016.

08. Hợp đồng số 1065/2016/HĐ10/MTR/BDS ngày 19/6/2016.

09. Hợp đồng số 024/HĐ10/2016/BĐS1 ngày 19/6/2016.
10. Hợp đồng số 1079/2016/HĐ10/MTR/BĐS ngày 09/07/2016.
11. Hợp đồng số 6043/2016/HĐUĐBĐS/BĐS1 ngày 26/7/2016.
12. Hợp đồng số 6044/2016/HĐUĐBĐS/BĐS1 ngày 28/7/2016
13. Hợp đồng số 020/HĐ10/2016/BĐS1 ngày 09/8/2016.
14. Hợp đồng gói 1.000.000 đồng, gói sinh viên khởi nghiệp ngày 26/7/2016 chuyển tiền.

Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TT phải trả cho bà Hồ Thị T tiền vốn gốc 143.556.480 đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và thời hạn kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 28/01/2019, Bị đơn nộp đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Nội dung kháng cáo: Bị đơn kháng cáo đề nghị sửa toàn bộ bản án sơ thẩm. Cụ thể: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị nguyên đơn phải tiếp tục thực hiện 14 hợp đồng hợp tác kinh doanh do đôi bên ký kết.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Bà Hồ Thị T có đại diện là ông Lê Hùng N và Công ty TT có đại diện là bà Võ Thị Xuân Thùy thống nhất xác định khoản tiền mà Công ty TT nhận theo các hợp đồng trên từ bà T sau khi khấu trừ các khoản tiền mà bà T đã nhận lại từ Công ty TT thì còn lại là 133.792.480 đồng. Đôi bên thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án như sau:

- Bà Hồ Thị T và Công ty TT đồng ý chấm dứt 14 hợp đồng đã ký kết cụ thể: Hợp đồng số 3535/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 06/6/2016. Hợp đồng số 3536/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 06/6/2016. Hợp đồng số 5460/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 19/6/2016. Hợp đồng số 5461/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 19/6/2016. Hợp đồng số 5462/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 19/6/2016. Hợp đồng số 5463/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 19/6/2016. Hợp đồng số 5464/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 19/6/2016. Hợp đồng số 1065/2016/HĐ10/MTR/BĐS ngày 19/6/2016. Hợp đồng số 024/HĐ10/2016/BĐS1 ngày 19/6/2016. Hợp đồng số 1079/2016/HĐ10/MTR/BĐS ngày 09/07/2016. Hợp đồng số 6043/2016/HĐUĐBĐS/BĐS1 ngày 26/7/2016. Hợp đồng số 6044/2016/HĐUĐBĐS/BĐS1 ngày 28/7/2016. Hợp đồng số 020/HĐ10/2016/BĐS1 ngày 09/8/2016. Hợp đồng gói 1.000.000 đồng, gói sinh viên khởi nghiệp ngày 26/7/2016.

- Công ty TT hoàn trả lại cho bà Hồ Thị T số tiền 133.792.480 đồng là khoản tiền phát sinh từ 14 hợp đồng nêu trên.

- Thời hạn thanh toán là 12 tháng. Mỗi tháng trả 11.150.000 đồng. Bắt đầu thanh toán từ ngày 10/9/2019.

- Công ty TT và bà Hồ Thị T mỗi người chịu ½ án phí sơ thẩm.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn .

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

+ Về Tổ tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Sửa bản án sơ thẩm.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án và việc chịu án phí sơ thẩm. Xét thấy sự thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

Sửa bản án sơ thẩm:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Hồ Thị T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TT như sau:

1.1. Bà Hồ Thị T và Công ty TT đồng ý chấm dứt 14 hợp đồng đã ký kết bao gồm: Hợp đồng số 3535/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 06/6/2016. Hợp đồng số 3536/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 06/6/2016. Hợp đồng số 5460/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 19/6/2016. Hợp đồng số 5461/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 19/6/2016. Hợp đồng số 5462/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 19/6/2016. Hợp đồng số

5463/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 19/6/2016. Hợp đồng số 5464/2016/HĐ05/MTR/HTKD ngày 19/6/2016. Hợp đồng số 1065/2016/HĐ10/MTR/BDS ngày 19/6/2016. Hợp đồng số 024/HĐ10/2016/BDS1 ngày 19/6/2016. Hợp đồng số 1079/2016/HĐ10/MTR/BDS ngày 09/07/2016. Hợp đồng số 6043/2016/HĐUĐBDS/BDS1 ngày 26/7/2016. Hợp đồng số 6044/2016/HĐUĐBDS/BDS1 ngày 28/7/2016. Hợp đồng số 020/HĐ10/2016/BDS1 ngày 09/8/2016. Hợp đồng gói 1.000.000 đồng, gói sinh viên khởi nghiệp ngày 26/7/2016.

1.2. Công ty TT hoàn trả lại cho bà Hồ Thị T số tiền 133.792.480 đồng là khoản tiền phát sinh từ 14 hợp đồng nêu trên.

1.3. Thời hạn thanh toán là 12 tháng. Mỗi tháng trả 11.150.000 đồng. Bắt đầu thanh toán từ ngày 10/9/2019.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

2.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 6.689.624 đồng. Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TT và bà Hồ Thị T mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ án phí. Cụ thể:

Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TT chịu là 3.344.812 đồng.

Bà Hồ Thị T chịu 3.344.812 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 3.796.325 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/37535 ngày 15/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Bà T được nhận lại 451.513 đồng.

2.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TT phải chịu toàn bộ án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0023498 ngày 28/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T. Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TT đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Hồ Thị T đối với khoản tiền mà Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TT phải trả cho bà Hồ Thị T cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TT còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TPHCM;
- TAND Quận T;
- Chi cục THADS Quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Thủy